

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới

Mai Lan Hương*

Ngày nhận: 29/10/2015

Ngày nhận bản sửa: 28/12/2015

Ngày duyệt đăng: 25/4/2016

Tóm tắt:

Việt Nam đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình dương (TPP), một Hiệp định thương mại thế hệ mới, chất lượng cao và toàn diện. Bài viết này phân tích những cơ hội và thách thức mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đối mặt, từ đó nêu lên các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp tục phát triển bền vững. Các giải pháp này có liên quan đến hoàn thiện khung khổ pháp luật, tạo môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi hơn việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, tín dụng; hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và thị trường, xúc tiến thương mại.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp định thương mại tự do, Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình dương, Tổ chức Thương mại thế giới

Supporting small and medium enterprises in the context of regional and global economic integration of Vietnam

Abstract:

Vietnam has joined many Free Trade Agreements (FTA), especially, the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) - the global, high quality and new generation agreement. This paper analyses opportunities and challenges to small and medium enterprises (SMEs) in Vietnam. The paper also provides practical solutions to the sustainable development of SMEs.

Keywords: SMEs, FTA, TPP, WTO.

1. Giới thiệu

Sau 11 năm đàm phán ngày 11/1/2007, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Sự kiện này là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã ký nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Chỉ riêng trong năm 2015, Việt Nam đã ký thêm FTA với Hàn Quốc và Liên minh kinh tế Á- Âu, kết thúc đàm phán với EU và ngày 5/10/2015 vừa qua, Việt Nam hoàn tất đàm phán Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Hiệp định TPP là một Hiệp định thương mại thế hệ mới, chất lượng cao và toàn diện, có thể nói, nó định hình cho các hiệp định thương mại của thế kỷ XXI. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) cũng chính thức ra đời vào cuối năm nay. Như vậy, Việt Nam thực sự đã hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới. Bài viết này sẽ tập trung phân tích những cơ hội, chỉ ra những thách mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp phải trong quá trình hội nhập để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay.

2. Những cơ hội đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam có những cơ hội sau đây:

2.1. Tiếp cận và mở rộng thị trường

Hàng hóa và dịch vụ Việt Nam có thể xâm nhập thị trường các nước tham gia FTA với Việt Nam, với mức thuế suất đã được cắt giảm theo cam kết, điều đó tạo điều kiện cho chúng ta mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và mở rộng kinh doanh dịch vụ ra ngoài biên giới quốc gia. Hiệp định TPP sẽ đem lại cho Việt Nam nhiều lợi ích, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu. Theo tính toán của các chuyên gia kinh tế, TPP sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm 23,5 tỷ USD vào năm 2020 và 33,5 tỷ USD vào năm 2025; xuất khẩu sẽ tăng thêm 68 tỷ USD vào năm 2025. Điều đáng chú ý là các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada theo cam kết TPP sẽ giảm thuế nhập khẩu về 0%, điều này, theo Bộ trưởng Bộ Công thương Vũ Huy Hoàng, “sẽ giúp tạo ra “cú huych” lớn đối với hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta. Các ngành xuất khẩu quan trọng như dệt may, giày dép, thủy sản nhiều khả năng sẽ có bước tiến phát triển vượt bậc về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này” (Vũ Huy Hoàng, 2015).

2.2. Tạo điều kiện tiếp cận và thu hút các nguồn vốn, kỹ thuật, công nghệ hiện đại cũng như tri thức quản lý tiên tiến, nhờ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Gia nhập TPP sẽ giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính thế giới, các luồng vốn đầu tư quốc tế vào Việt Nam cũng sẽ tăng, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận với các nguồn vốn quốc tế với chi phí thấp hơn. Tham gia TPP chắc chắn sẽ thúc đẩy đầu tư của các nước vào Việt Nam. Dòng vốn từ nhiều nước thành viên TPP có trình độ phát triển cao có thể mang lại lợi ích lan tỏa đáng kể về công nghệ và kỹ năng quản lý, nhờ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.3. Hội nhập kinh tế sâu rộng, thực hiện tự do hóa thương mại góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh

Hội nhập kinh tế sâu rộng một mặt, nó tạo ra sức ép buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải áp dụng kỹ thuật mới, công nghệ mới, phương pháp quản lý tiên tiến để nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, cải tiến mẫu mã hàng hóa; mặt khác, nhờ bãi bỏ hàng rào thuế quan giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất sẽ giảm xuống, do đó làm giảm chi phí đầu vào của sản xuất. Nhờ vậy, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa nước ta.

2.4. Tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu

Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam nhanh chóng tham gia vào hệ thống phân công lao động quốc tế, tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, từ đó hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả cho phép Việt Nam khai thác tiềm năng thế mạnh của mình.

2.5. Hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới sẽ thúc đẩy cải cách kinh tế trong nước và buộc chính phủ phải hoạt động hiệu quả hơn

Cải cách kinh tế theo hướng thị trường là điều kiện tiên quyết của hội nhập kinh tế quốc tế, tuy nhiên, chính sự hội nhập kinh tế quốc tế lại thúc đẩy tiến trình cải cách kinh tế trong nước theo hướng thị trường, tiếp tục hoàn thiện thể chế, trong đó có thể chế kinh tế thị trường – một trong ba đột phá chiến lược mà Đảng ta đã xác định, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, từ đó thúc đẩy đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Đồng thời sự điều hành kinh tế của chính phủ được thay đổi cho phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế, cơ chế chính sách phải công khai, minh bạch, công bằng. Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh cho rằng: “Các tiêu chuẩn cao về quản trị minh bạch và hành xử khách quan của bộ máy Nhà nước sẽ đặt ra những thách thức lớn cho bộ máy quản lý. Tuy nhiên, đây cũng là những tiêu chuẩn mà chúng ta đang hướng tới để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” (Trần Quốc Khánh, 2015).

3. Những khó khăn, thách thức với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong bối cảnh nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

3.1. Sức ép cạnh tranh tăng lên, cạnh tranh gay gắt hơn

Thực tế hiện nay đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đều có sức cạnh tranh yếu và trung bình, có rất ít sản phẩm thương hiệu Việt chiếm lĩnh được thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, đa phần các sản phẩm xuất khẩu vẫn là gia công, sơ chế, sử dụng nhiều lao động giá rẻ, tài nguyên thiên nhiên và phụ thuộc vào cơ chế ưu đãi của nhà nước. Với thực trạng như vậy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ phải đối mặt với thách thức lớn, sức ép cạnh tranh tăng lên khi nước ta hội nhập

kinh tế sâu rộng.

3.1.1. Thị trường trong nước

Việc thực hiện các cam kết FTA song phương và đa phương mà chúng ta đã ký hay sắp ký tới đây, đặc biệt là Hiệp định TPP mà Việt Nam là một thành viên và cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đòi hỏi Việt Nam phải mở cửa thị trường cho hàng hóa và dịch vụ của các nước tham gia FTA với Việt Nam với thuế suất phần lớn bằng 0%. Hàng hóa của các nước sẽ tràn vào Việt Nam, lần át hàng hóa nội địa, gia tăng sức ép cạnh tranh đối với hàng hóa trong nước. Theo thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh: “Một số chủng loại nông sản mà Hoa Kỳ và một số nước khác trong TPP có thể mạnh, sức ép cạnh tranh là khá lớn khi thuế suất được đưa về 0%, trong đó nổi bật là thịt lợn, thịt gà. Đây là những mặt hàng ta đã sản xuất được, nhưng sức ép cạnh tranh còn yếu. Một số nông sản khác cũng sẽ gặp khó khăn nhưng ở mức độ nhẹ hơn”. Như vậy, ngành chăn nuôi là ngành sẽ gặp khó khăn hơn cả. Vì thế, cần khẩn trương cơ cấu lại ngành chăn nuôi của nước ta (Trần Quốc Khánh, 2015).

Việc mở cửa thị trường theo cam kết các FTA mà Việt Nam đã ký, các công ty nước ngoài sẽ thành lập các chi nhánh ở nước ta, và hiện nay các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang thực hiện mua lại, sát nhập, mua cổ phiếu để nắm quyền lãnh đạo, chi phối các doanh nghiệp và thương hiệu Việt. Làn sóng mua bán, sát nhập (M&A) đối với các doanh nghiệp Việt Nam của các tập đoàn nước ngoài, một mặt là cơ hội để các doanh nghiệp tái cấu trúc, mặt khác, nó tiềm ẩn những nguy cơ và thậm chí đe dọa đến sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam trong nhiều ngành như thương mại, tài chính, kinh doanh bất động sản... Nhiều doanh nghiệp Việt Nam trở thành “con mồi” ngon cho các tập đoàn nước ngoài thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Vì vậy, nếu như năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam không được tập trung cải thiện một cách tích cực, thì việc thua ngay trên sân nhà là hiện hữu.

3.1.2. Thị trường xuất khẩu

Các đối tác của Việt Nam cũng sẽ mở cửa thị trường cho hàng hóa của nước ta theo cam kết, thế nhưng sức cạnh tranh của hàng hóa nước ta thấp nên khả năng xâm nhập thị trường của các nước bị hạn chế. Mặt khác, các nước, nhất là các nước phát triển sẽ lập ra những hàng rào thương mại để ngăn chặn hàng hóa và dịch vụ nước ta xâm nhập thị trường nước họ. Đó là các biện pháp tạo ra hàng rào kỹ thuật

như quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, về nhân mác, kiểm dịch động thực vật; các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời như tự vệ, trợ cấp, chống bán phá giá; hoặc rào cản về quy tắc xuất xứ của TPP. Ngoài những rào cản trên, trong thời gian tới, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn phải đối mặt với các yêu cầu trách nhiệm xã hội, nhân mác sinh thái, bảo vệ môi trường ngày càng cao.

3.2. Năng lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam yếu là một khó khăn trong hội nhập kinh tế

Điều đó thể hiện ở các mặt sau đây:

(1) Trong số các doanh nghiệp nhỏ và vừa thì tuyệt đại bộ phận là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, nhưng hiện nay xuất hiện xu hướng quy mô của các doanh nghiệp nhỏ lại, hay như người ta nói xu hướng “li ti hóa doanh nghiệp”, doanh nghiệp nhỏ khó lớn lên thành doanh nghiệp vừa. Do đó, xu hướng thiếu quy mô doanh nghiệp vừa gia tăng, điều này có tính chất phổ biến ở tất cả các ngành quan trọng. Một trong những nguyên nhân của hiện tượng này, theo một số chuyên gia kinh tế, là chi phí “bôi trơn” lớn, nên phần lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp không đủ để tái đầu tư mở rộng sản xuất. Quy mô doanh nghiệp nhỏ bé, năng lực của doanh nghiệp yếu nên doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp rất nhiều khó khăn trong hội nhập kinh tế.

(2) Hiện nay các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp khó khăn về vốn và khả năng tiếp cận thị trường vốn. Mặc dù đã có nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ vốn, nhưng chủ yếu là vốn ngắn hạn, trong khi đó để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh đòi hỏi nguồn vốn dài hạn. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường phải tiếp cận các nguồn vốn phi chính thức với lãi suất cao hơn, nên không có lợi về chi phí sản xuất.

(3) Chất lượng nguồn nhân lực còn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển từ nhân lực cao cấp, giám đốc điều hành đến công nhân có trình độ kỹ thuật. Nói chung, trình độ lực lượng lao động thấp.

(4) Trình độ công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam lạc hậu, nên việc nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh bị hạn chế (các vấn đề (3), (4) sẽ được tiếp tục phân tích thêm ở phần sau).

Sự tác động tổng hợp của các yếu tố trên đưa đến hệ quả tất yếu là năng lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa yếu. Vì thế khả năng tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu bị hạn chế, thấp hơn nhiều ở Đông Nam Á. Theo nghiên cứu của Viện Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), chỉ có

36% doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào mạng lưới sản xuất so với con số 60% của Malaysia, Thái Lan; 21% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu so với 30% của Thái Lan, 46% của Malaysia. (Vũ Tiến Lộc, 2015).

3.3. Việc giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm, nhờ đó nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa hiện đang gặp khó khăn

Chi phí sản xuất ở mức độ lớn phụ thuộc vào công nghệ sản xuất, nhưng việc đổi mới công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng đang hết sức khó khăn, nếu không muốn nói là bế tắc. Nhiều cuộc khảo sát thực tế cho thấy trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp nước ta đa phần ở mức độ trung bình và lạc hậu. Khoảng 80-90% công nghệ nước ta đang sử dụng là công nghệ ngoại nhập, trong đó 76% máy móc dây chuyền công nghệ nhập khẩu thuộc thế hệ những năm 1980-1990, công nghệ tiên tiến chiếm một tỷ lệ nhỏ bé (Tô Hoài Nam, 2014).

Tốc độ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp khá chậm, áp lực cạnh tranh chưa tác động mạnh đến đầu tư đổi mới công nghệ; hầu hết các doanh nghiệp đổi mới công nghệ một cách thụ động, không có kế hoạch dài hạn. Hậu quả tất yếu là doanh nghiệp không thể cải thiện được công nghệ sản xuất nên không nâng cao được chất lượng hàng hóa, do đó không thể cạnh tranh có hiệu quả với hàng hóa nhập khẩu.

Hiện nay các doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu hụt cán bộ quản lý có trình độ trung, cao cấp, cán bộ kỹ thuật. Chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý, điều hành hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, quản lý theo kiểu gia đình nên thiếu tầm nhìn chiến lược. Vì thế, khi doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng sản xuất thì gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định chiến lược kinh doanh, quản trị nhân sự, quản lý tài chính, Marketing, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Sự thiếu hụt nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Các giải pháp tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: tạo nhiều việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo; đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP, vào nguồn thu ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn xã hội vào đầu tư phát triển;

góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Vì thế, trong bối cảnh hiện nay, nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức để phát triển bền vững. Những vấn đề Nhà nước cần tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là mặt bằng sản xuất; tiếp cận các nguồn vốn; đổi mới công nghệ; đào tạo nhân lực; tiếp cận thị trường và quan trọng hơn hết là tạo môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh thuận lợi.

4.1. Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp luật, tạo môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong thời gian qua, Nhà nước đã có sự nỗ lực trong việc sửa đổi, bổ sung các luật, xây dựng và ban hành một số luật mới, các chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Luật doanh nghiệp (sửa đổi) tiếp tục mở rộng quyền kinh doanh, Luật Đầu tư (sửa đổi) đã thể hiện môi trường đầu tư bình đẳng, thông thoáng, hấp dẫn hơn. Cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký, thành lập doanh nghiệp, gia nhập thị trường, tiếp cận các nguồn lực ngày càng được cải thiện, giảm bớt một cách rõ rệt các phiền hà và chi phí không đáng có về thời gian, tiền bạc cho doanh nghiệp. Tuy vậy, các văn bản pháp luật của Việt Nam được ban hành thường có tuổi thọ ngắn (khoảng 3-5 năm), thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung nên thiếu tính ổn định, nhất quán; cơ chế chính sách cũng thiếu tính ổn định, đặc biệt là những chính sách đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tham gia cộng đồng ASEAN (AEC) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đặt ra vấn đề là cần rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật của nước ta. Việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành luật pháp cần bảo đảm các yêu cầu: (1) yêu cầu cơ bản đối với hệ thống luật của bất cứ quốc gia nào là luật phải phù hợp với luật cơ bản (Hiến pháp), luật không được mâu thuẫn với luật, và với các văn bản dưới luật, luật quốc gia không mâu thuẫn với thông lệ quốc tế. (2) Phù hợp với thực tế kinh tế đang biến đổi, và (3) Phù hợp với những cam kết của Việt Nam và quy định của các định chế quốc tế mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là các quy định của Hiệp định TPP khi hiệp định này có hiệu lực. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật sao cho phù hợp với cam kết của Việt Nam với AEC và TPP là một công việc khó khăn, phức tạp, nhưng nhất định phải thực hiện.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật quan trọng liên quan tới môi

trường pháp lý cho hoạt động của doanh nghiệp như Luật Thương mại, Luật sở hữu trí tuệ; Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Hải quan (sửa đổi), Luật Đầu tư công, ... nhằm bảo đảm quyền tự do kinh doanh, đầu tư và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận bình đẳng các nguồn lực về đất đai, vốn, công nghệ, thị trường để phát triển sản xuất kinh doanh.

Cho đến nay, Nghị Định 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành ngày 30/6/2009 là văn bản pháp lý cao nhất áp dụng riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sau 5 năm triển khai thực hiện, các chương trình, chính sách trợ giúp của Nhà nước đã đạt được một số kết quả nhất định: hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa khắc phục hạn chế, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Khoảng một nửa các nhóm chính sách trợ giúp về tài chính, phát triển nguồn nhân lực, thông tin và tư vấn, xúc tiến phát triển thị trường đạt được những kết quả nhất định. Bên cạnh đó, Nghị định 56 cũng đã bộc lộ những hạn chế, vướng mắc: các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ vẫn khó tiếp cận các nguồn vốn vay, các chính sách ưu đãi thì các doanh nghiệp nhỏ với không tới, khó tiếp cận. Phần lớn các chính sách và chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa không có các đánh giá sự hỗ trợ; các chương trình nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ cũng chưa có tiêu chí đánh giá tác động của chính sách/chương trình đó đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Một số chính sách được làm theo kiểu khuyến khích chung chung, chứ chưa đi sâu đi sát, có quy định rõ ràng.

Từ thực tế đó, Việt Nam cần sớm xây dựng và ban hành Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tạo hành lang pháp lý cao nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động và phát triển. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xác định rõ mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc hỗ trợ, các biện pháp hỗ trợ cơ bản đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trách nhiệm của Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số nội dung cần được nhấn mạnh trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp tạo lập giá trị gia tăng cao, hỗ trợ trong chuỗi giá trị. Luật cũng cần cố gắng đưa ra các hình thức hỗ trợ thiết thực, cụ thể hơn như hỗ trợ liên quan đến lãi suất cho vay, ưu đãi hơn về thuế thu nhập doanh nghiệp so với doanh nghiệp lớn, hỗ trợ liên quan tới mặt bằng sản xuất, khởi nghiệp...

4.2. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa về vốn thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi hơn việc

tiếp cận các dịch vụ tài chính, tín dụng

Trong thời kỳ suy giảm kinh tế vừa qua, Chính phủ đã có những giải pháp kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giải quyết khó khăn về vốn ngắn hạn. Các giải pháp tài khóa được đưa ra bao gồm gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, giảm tiền thuế đất, giảm và giãn thuế thu nhập doanh nghiệp. Lượng tiền thuế được gia hạn nộp thực chất là doanh nghiệp “tạm vay” ngân sách và phải hoàn trả vào năm sau. Chính sách tiền tệ được điều chỉnh theo hướng giảm mặt bằng lãi suất nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn tại các ngân hàng thương mại, Chính phủ đã thành lập quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại. Tuy vậy, thực tế cho thấy các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn như bảo lãnh tín dụng không được như mong muốn, bởi lẽ điều kiện để được bảo lãnh hiện nay doanh nghiệp rất khó đáp ứng.

Trong thời gian tới, Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn vốn: tiếp tục giảm lãi suất cho vay, điều kiện cho vay đỡ khắt khe hơn, các ngân hàng thương mại cần đơn giản hóa các thủ tục cho vay, nhất là đối với các chương trình ưu đãi. Khuyến khích các ngân hàng thương mại áp dụng các hình thức đánh giá tín nhiệm doanh nghiệp để tăng cường cho vay tín chấp. Mở rộng và nâng cao năng lực tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng đã được thành lập. Việc đưa Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vào hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng, vì hiện nay doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng thương mại rất khó khăn. Vì thế, Quỹ cần có thủ tục thông thoáng hơn và điều kiện đỡ ngặt nghèo hơn so với vay vốn ngân hàng thương mại.

Phát triển thị trường vốn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp huy động nguồn vốn xã hội thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu để đáp ứng yêu cầu đầu tư, giảm dần sự phụ thuộc quá nhiều của doanh nghiệp vào vốn ngân hàng như hiện nay.

4.3. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về đất đai, mặt bằng sản xuất

Luật đất đai và các văn bản luật pháp về đất đai đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhiều. Tuy nhiên, do không có chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất dành riêng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng sản xuất. Hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đều phải sử

dụng diện tích nhà ở hoặc đi thuê các diện tích nhà ở nhỏ bé của dân cư để kinh doanh. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất thì khó trong việc tìm kiếm mặt bằng sản xuất và với chi phí cao.

Để giải quyết khó khăn của doanh nghiệp nhỏ và vừa về mặt bằng sản xuất, trong thời gian tới cần xây dựng chính sách hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về mặt bằng sản xuất. Đồng thời cần phải đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng hơn trong việc thuê đất lâu dài làm mặt bằng sản xuất kinh doanh. Khuyến khích xây dựng các khu/cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đây cũng là giải pháp thiết thực giải quyết khó khăn về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4.4. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhanh chóng đổi mới công nghệ.

Điều có tính chất quyết định việc đổi mới công nghệ của doanh nghiệp là bản thân doanh nghiệp phải nỗ lực đầu tư nghiên cứu, đổi mới nhanh chóng công nghệ hay nói như Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ Nguyễn Quân: “Doanh nghiệp phải thất lưng buộc bụng để đầu tư cho khoa học công nghệ, nhất là nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này cũng nên tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước bên cạnh nguồn lực của chính mình” (Nguyễn Quân, 2015).

Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ. Trước hết cần thực thi nghiêm chỉnh Luật sở hữu trí tuệ và các cam kết của Việt Nam với TPP về sở hữu trí tuệ để khuyến khích nghiên cứu và sáng tạo công nghệ và đổi mới sản phẩm. Bộ trưởng KH & CN Nguyễn Quân cho rằng: “Trong những năm qua, chúng ta đã làm tốt công tác xác lập quyền sở hữu trí tuệ, nhưng cho đến nay, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam vẫn còn yếu. Do vậy, khâu thực thi quyền sở hữu trí tuệ vẫn là lo ngại lớn”. Khi TPP có hiệu lực, các vi phạm sở hữu trí tuệ hiện nay chúng ta chủ yếu xử lý bằng xử phạt hành chính, nhưng theo TPP, các vi phạm này phải xử lý hình sự (Nguyễn Quân, 2015).

Thúc đẩy triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm của Chính phủ, đặc biệt là cần quan tâm đến việc phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ngay từ đầu khi khởi sự. Khuyến khích nhập khẩu công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp khoa học – công nghệ, đẩy mạnh việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu công nghệ, khuyến khích việc chuyên

giao kết quả nghiên cứu công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo sự liên kết bốn bên là cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu nhằm giúp doanh nghiệp tham gia, hưởng lợi từ kết quả nghiên cứu. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh phí đổi mới công nghệ, cho vay ưu đãi các dự án ứng dụng công nghệ cao.

4.5. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về đào tạo nguồn nhân lực

Trong thời gian qua, các chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu vực kinh tế tư nhân đã được tích cực xây dựng. Các hoạt động phát triển nguồn nhân lực được đẩy mạnh, nên ở mức độ nhất định đã đáp ứng được yêu cầu phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Chương trình và phương thức đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề cần được đổi mới theo hướng gắn với yêu cầu hoạt động sản xuất, cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề và ý thức trách nhiệm. Đẩy mạnh đào tạo nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp để nâng cao khả năng thực hành của người học.

Hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa rất thiếu nguồn nhân lực có trình độ trung, cao cấp, cán bộ quản lý doanh nghiệp. Vì thế, việc đào tạo nguồn nhân lực này cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tập trung vào các nội dung chính là xây dựng và triển khai chương trình đào tạo doanh nhân, trang bị cho doanh nhân những kiến thức cần thiết về kinh doanh, pháp luật và trách nhiệm xã hội; xây dựng chuẩn mực doanh nhân có tinh thần dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật, có khát vọng vươn lên làm giàu cho mình và cho đất nước, có trách nhiệm với người lao động, với cộng đồng, xã hội.

4.6. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về thị trường, xúc tiến thương mại.

Tiêu thụ sản phẩm là một khâu của quá trình tái sản xuất, quyết định sự sống còn của sản xuất, của các doanh nghiệp. Vì thế, Nhà nước cần có chiến lược quốc gia về thị trường.

Đối với thị trường trong nước, Nhà nước cần xây dựng quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối trên thị trường nội địa, trong đó đặc biệt chú ý thị trường nông thôn; hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức nghiên cứu thị trường, nghiên cứu nhu cầu thị trường, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến

thương mại ở nhiều cấp độ quốc gia, địa phương, ngành, doanh nghiệp với nhiều hình thức như hội chợ, truyền thông; đẩy mạnh việc chống buôn lậu, hàng giả và ủng hộ hàng Việt Nam. Tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia nhằm đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường trong nước, thương mại miền núi, hải đảo. Tổ chức hội trợ, triển lãm để giúp các doanh nghiệp tìm kiếm và mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh, giúp các doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu hàng Việt Nam. Chính phủ nên có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phí đăng ký nhãn hiệu, chi phí kiểm định chất lượng sản phẩm, chi phí chuyển giao bí quyết công nghệ từ các Viện, trường đại học nghiên cứu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối với thị trường xuất khẩu, Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), trong đó có các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada. Khi Hiệp định TPP có hiệu lực thuế xuất, nhập khẩu sẽ về 0% sẽ tạo khả năng Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu. Nhưng việc biến khả năng đó thành hiện thực còn

tùy thuộc vào sức cạnh tranh của hàng hóa nước ta cũng như hiệu quả của công tác xúc tiến thương mại của Việt Nam. Các hiệp hội ngành hàng nên tổ chức cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia các cuộc khảo sát thị trường nước ngoài, giúp doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu hàng Việt Nam. Vấn đề quan trọng hiện nay là phải tạo dựng được một thương hiệu mạnh cho hàng hóa của mình. Điều cần chú ý là các doanh nghiệp có tài sản sở hữu trí tuệ thì cần khẩn trương đăng ký ngay để được bảo hộ trong khối TPP như nhãn hiệu hàng hóa, tên doanh nghiệp, kiểu dáng công nghiệp hoặc có chỉ dẫn địa lý.

Như vậy, Việt Nam hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới sẽ tạo ra cho nền kinh tế nói chung và cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Vấn đề đặt ra là với sự hỗ trợ của Nhà nước, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nỗ lực hết sức nhanh chóng đổi mới công nghệ, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực và thị trường sao cho đủ sức tận dụng cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức để tiếp tục phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh gay gắt. □

Tài liệu tham khảo:

- Chính phủ (2009), *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2009.
- Nguyễn Quân (2015), *Doanh nghiệp cần đổi mới để tham gia TPP*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2015, từ <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/bo-truong-nguyen-quan-doanh-nghiep-can-doi-moi-de-tham-gia-tpp-3292631.html>>.
- Tô Hoài Nam (2014), *Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay và nhu cầu hỗ trợ pháp lý*, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 03 năm 2014, từ <http://moj.gov.vn/tcdclp/tintuc/Lists/PhapLuotKinhTe/View_Detail.aspx?ItemID=390>.
- Trần Quốc Khánh (2015), *TPP: Bốn thách thức đối với Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 09 tháng 10 năm 2015, từ <<http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Kinh-te/811072/tpp-bon-thach-thuc-voi-viet-nam>>.
- Vũ Huy Hoàng (2015), *Hiệp định TPP sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 6 tháng 10 năm 2015, từ <<http://baotintuc.vn/thoi-su/hiiep-dinh-tpp-se-dem-lai-nhieu-loi-ich-cho-viet-nam-20151006010404540.htm>>.
- Vũ Tiến Lộc (2015), *Để doanh nghiệp tư nhân hội nhập: Cần gì và cần ai?*, truy cập lần cuối ngày 17 tháng 02 năm 2015, từ <<http://www.doanhnhansaigon.vn/van-de/de-doanh-nghiep-tu-nhan-hoi-nhap-can-gi-va-can-ai/1086899/>>.

Thông tin tác giả:

***Mai Lan Hương**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, Lịch sử các học thuyết kinh tế
- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; tạp chí Kinh tế và Dự báo.
- Địa chỉ email: huongmailan77@yahoo.com.vn